

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA HÙNG THỊNH TRỰC
THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA HÙNG THỊNH
(Kèm theo Quyết định số: 899/QĐ-SYT ngày 15/6/2026 của Sở Y tế)

TT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	Mã kỹ thuật (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Mã kỹ thuật (Cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	14321	16.6	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
2.	14326	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
3.	14327	16.12	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant
4.	14329	16.14	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
5.	14348	16.33	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
6.	14349	16.34	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
7.	14350	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
8.	14351	16.36	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
9.	14352	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
10.	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
11.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
12.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
13.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
14.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
15.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
16.	14359	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha

				ngươi
17.	14360	16.45	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
18.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
19.	14366	16.51	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
20.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
21.	14368	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
22.	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
23.	14370	16.55	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
24.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
25.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
26.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
27.	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
28.	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
29.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
30.	14377	16.62	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
31.	14378	16.63	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nội nha - hàn

				ngược ống tủy
32.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
33.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
34.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
35.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
36.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
37.	14386	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
38.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
39.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
40.	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
41.	14394	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
42.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
43.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
44.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
45.	14398	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
46.	14399	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
47.	14400	16.87	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
48.	14401	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
49.	14402	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường

				gắn bằng cement trên Implant
50.	14403	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
51.	14404	16.91	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
52.	14405	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
53.	14406	16.93	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
54.	14407	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
55.	14408	16.95	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
56.	14409	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
57.	14410	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
58.	14411	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
59.	14412	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
60.	14413	16.100	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
61.	14414	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
62.	14415	16.102	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
63.	14416	16.103	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
64.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
65.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
66.	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
67.	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
68.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
69.	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
70.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần

				nền nhựa thường
71.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
72.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
73.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
74.	14448	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hờ mặt nhai
75.	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
76.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
77.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
78.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
79.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
80.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
81.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
82.	14456	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
83.	14457	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
84.	14458	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
85.	14459	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
86.	14460	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
87.	14461	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
88.	14462	16.149	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
89.	14463	16.150	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
90.	14467	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định

91.	14469	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khâu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
92.	14470	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
93.	14472	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
94.	14474	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
95.	14475	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khâu cái (TPA)
96.	14476	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
97.	14477	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
98.	14481	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
99.	14482	16.169	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
100.	14483	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
101.	14485	16.172	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
102.	14486	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
103.	14487	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
104.	14488	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
105.	14489	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt

106.	14490	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
107.	14491	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
108.	14493	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
109.	14494	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
110.	14496	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
111.	14497	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
112.	14498	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
113.	14499	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
114.	14500	16.187	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (anterior plane)
115.	14501	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
116.	14502	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
117.	14503	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
118.	14504	16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
119.	14505	16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
120.	14506	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
121.	14508	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
122.	14509	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
123.	14510	16.197	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhỏ răng lạc chỗ

124.	14511	16.198	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
125.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
126.	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
127.	14514	16.201	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
128.	14515	16.202	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
129.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
130.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
131.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
132.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
133.	14520	16.207	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
134.	14521	16.208	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
135.	14522	16.209	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
136.	14523	16.210	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
137.	14524	16.211	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt cuống răng
138.	14525	16.212	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
139.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
140.	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
141.	14528	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
142.	14529	16.216	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
143.	14530	16.217	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh môi
144.	14531	16.218	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh má
145.	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
146.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
147.	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement

				quang trùng hợp
148.	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
149.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
150.	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
151.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
152.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
153.	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
154.	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
155.	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
156.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
157.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
158.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
159.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
160.	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
161.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng sữa
162.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ chân răng sữa
163.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
164.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
165.	14647	16.335	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn sai khớp thái dương hàm
166.	14661	BS_16.349	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng 1 thì
167.	14662	BS_16.350	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khối huyết tương giàu tiểu cầu trong cấy ghép Implant nha khoa
168.	14664	BS_16.352	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hình tức thì trên Implant

169.	14665	BS_16.353	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng không sang chân để cấy ghép Implant tức thì
170.	14666	BS_16.354	16. RĂNG HÀM MẶT	Ghép mô liên kết tăng độ dày mô mềm quanh Implant
171.	14667	BS_16.355	16. RĂNG HÀM MẶT	Ghép mô lợi sừng hóa quanh Implant
172.	14668	BS_16.356	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo Implant bị gãy trong xương
173.	14669	BS_16.357	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào trong xoang hàm
174.	14670	BS_16.358	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy Implant rơi vào dưới màng xoang
175.	14671	BS_16.359	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo vít liên kết Implant bị gãy
176.	14672	BS_16.360	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp trên Implant
177.	14673	BS_16.361	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu trên Implant
178.	14674	BS_16.362	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình sứ trên Implant bị vỡ
179.	14675	BS_16.363	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình Implant bị hở tiếp xúc
180.	14676	BS_16.364	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị hở vết thương sau cấy ghép Implant
181.	14677	BS_16.365	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh Implant
182.	14678	BS_16.366	16. RĂNG HÀM MẶT	Vật trượt về phía chóp Implant điều trị viêm quanh Implant
183.	14679	BS_16.367	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị duy trì kết quả sau điều trị nắn chỉnh răng bằng máng
184.	14714	BS_16.402	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật lấy răng ngầm trong xương

Tổng: 184 danh mục.